

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày 15-4-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**
2. Ông **Lê Thanh Hiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (MB).

Địa chỉ: Số A - L, phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH Q2 và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Anh T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc MBAMC Chi nhánh T3.

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà M, 77 - V, phường T, Quận N, thành phố Cần Thơ.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông **Đinh Thanh T2** (Có mặt).

2. Bị đơn – Vắng mặt:

Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1978.

Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q1** trình bày:

Ngân hàng với ông H và bà Q có ký kết các hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 99106.21.751.5168851.TD ngày 19/5/2021, số khế ước LTI21137000307.ST01 ngày 19/5/2021, mục đích vay tiêu dùng, ngày nhận nợ 20/5/2021, lãi suất 11.5%/năm, ngày đến hạn 20/5/2028, số tiền vay 500.000.000 đồng.

Ngoài khoản vay nêu trên, ông H và bà Q có yêu cầu Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng.

Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông H và bà Q, là quyền sử dụng đất diện tích 48,6m², thửa đất số 34, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Phần đất này, ông H và bà Q đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận phát hành số BI 705015 ngày 01/3/2012.

Thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số: 101600.19.751.5168851.BĐ ngày 22/5/2019 và được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp ngày 22/5/2019.

Vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ:

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết tại hợp đồng tín dụng, các kế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 13/11/2022, cụ thể:

Tính đến ngày 13/4/2024, ông H và bà Q đã trả được số tiền 187.726.808 đồng.

Dư nợ tạm tính của ông H và bà Q tính đến ngày 13/4/2024, tổng số tiền: 836.924.390 đồng. Trong đó: tiền vay theo hợp đồng tín dụng: 481.884.995 đồng (gốc 392.864.000 đồng, lãi trong hạn 1.936.647 đồng, lãi quá hạn 79.353.002 đồng, lãi phạt 7.731.346 đồng), nợ thẻ tín dụng 355.039.395 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông H và bà Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay ông H và bà Q vẫn không thực hiện.

Nay, Ngân hàng TMCP Q1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền vay tính đến ngày 13/4/2024 là: 836.924.390 đồng.

- Buộc ông H và bà Q còn phải trả lãi sau ngày 13/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp, bị đơn không thanh toán đủ số tiền như đã yêu cầu, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

2/ Đối với bị đơn:

Ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Riêng, bị đơn đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1.

Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn, là Ngân hàng TMCP Q1 (người đại diện theo uỷ quyền là ông Đinh Thanh T2), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Còn, bị đơn là ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn là ông H và bà Q có nơi cư trú tại Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Xét: Để chứng minh việc ông H và bà Q có vay vốn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là:

Hợp đồng cho vay số: 99106.21.751.5168851.TD ngày 19/5/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: LTI21137000307.ST01 ngày 19/5/2021, Hợp đồng thế chấp số: 101600.19.751.5168851.BĐ ngày 22/5/2019, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 5168851 ngày 03/12/2019, đều có chữ ký tên Nguyễn Quốc H - Trần Thị Q, ở mục: BÊN VAY – Chủ thẻ chính – Khách hàng/Người giám hộ/Người đại diện theo pháp luật – BÊN THẾ CHẤP, và các giấy tờ khác có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án:

Phía ông H và bà Q vắng mặt, nhưng các văn bản tố tụng của Tòa án được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cho thấy, ông H và bà Q đã từ bỏ quyền phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết và chứng cứ nêu trên là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh trong vụ án, và khẳng định phía ông H và bà Q đã vay và đã nhận đủ tiền của Ngân hàng là thực tế.

Dư nợ tạm tính của ông H và bà Q tính đến ngày 13/4/2024, tổng số tiền: 836.924.390 đồng. Trong đó: tiền vay theo hợp đồng tín dụng: 481.884.995 đồng (gốc 392.864.000 đồng, lãi trong hạn 1.936.647 đồng, lãi quá hạn 79.353.002 đồng, lãi phạt 7.731.346 đồng), nợ thẻ tín dụng 355.039.395 đồng. Việc, ông H và bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, là đã vi phạm tại các hợp đồng, mà các bên ký kết. Ông H và bà Q có lỗi, vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, ông H và bà Q còn phải trả lãi phát sinh sau ngày 13/4/2024 cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng, phù hợp theo quy định tại Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

[2.2] Về tài sản thế chấp: Là quyền sử dụng đất diện tích 48,6m², thửa đất số 34, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất này, ông H và bà Q đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận phát hành số BI 705015 ngày 01/3/2012. Thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số: 101600.19.751.5168851.BĐ ngày 22/5/2019 và được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp ngày 22/5/2019. Như vậy, đối chiếu tại các điều 119, 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, thì Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông H và bà Q được ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó, Hợp đồng thế chấp số: 101600.19.751.5168851.BĐ ngày 22/5/2019 là hợp pháp.

[2.3] Xử lý tài sản thế chấp: Theo quy định tại các điều 323, 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do phía ông H và bà Q đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn (thời điểm đến hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng), vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng thế chấp, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết. Sau khi, ông H và bà Q trả xong nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền xoá đăng ký thế chấp ngày 22/5/2019 và giao trả cho ông H và bà Q bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số BI 705015 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/3/2012.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng, do Ngân hàng đã nộp xong.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông H và bà Q phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 200.000 đồng.

[2.5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Buộc ông H và bà Q phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 37.107.731 đồng.

Theo đó: Số tiền buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là 836.924.390 đồng = 36.000.000 đồng + 3% (của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các điều 91, 95, 108 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (MB).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số tiền tính đến ngày 13/4/2024 là: **836.924.390 đồng** (tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày 13/4/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Duy trì Hợp đồng thế chấp số: 101600.19.751.5168851.BĐ ngày 22/5/2019, ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 với ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 48,6m², thửa đất số 34, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau - theo Giấy chứng nhận phát hành số BI 705015 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp đứng tên ông H và bà Q ngày 01/3/2012, để đảm bảo việc thi hành án.

Sau khi, ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q trả xong nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền xoá đăng ký thế chấp ngày 22/5/2019 và giao trả cho ông H và bà Q bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số BI 705015 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/3/2012.

2/ Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 số tiền **200.000** đồng (hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3/ Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 được nhận lại án phí số tiền 19.672.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng), tại Biên lai thu 4913 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q phải nộp án phí dân sự số tiền 37.107.731 đồng (ba mươi bảy triệu một trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm ba mươi một đồng).

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1, ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị Q được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang